

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH MIỆN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 10/6/2020.

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN - TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **An Văn Khoái**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Lý**.

2. Bà **Đoàn Thị Chuyên**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn H** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Thủy** - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 48/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị P**, sinh năm 1992.

ĐKKHKT: Thôn Tiêu Sơn, xã N H, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

Nơi ở hiện nay: Thôn Đẻ Xuyên, xã Đại Thắng, huyện Tiên Lãng, TP. Hải Phòng.

- Bị đơn: Anh **Lê Danh L**, sinh năm 1991.

ĐKKHKT: Thôn Tiêu Sơn, xã N H, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

Nguyên đơn, bị đơn đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình khai tại Toà án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị P trình bày:

Chị và anh L kết hôn năm 2012, đăng ký kết hôn tại UBND xã N H, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương ngày 21/9/2012. Trước khi kết hôn vợ chồng hoàn toàn được tự do, tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh

phúc nhưng thời gian gần đây do cuộc sống khó khăn nên vợ chồng không thống nhất được cuộc sống chung nên xảy ra cãi cọ nhau. Bên cạnh đó anh L thường xuyên uống rượu, cứ mỗi lần say là lại đánh chị, hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không được. Chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại Hải Phòng sinh sống Nều lần nhưng sau đó lại quay lại chung sống cùng với anh L nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không được cải thiện, lần cuối cùng chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ là từ tháng 10 năm 2018. Anh L cùng mẹ đẻ, chú, bác ruột có đến tìm nhưng chị xác định tình cảm không còn nên không về chung sống với anh L. Chị xác định vợ chồng đã ly thân từ tháng 10/2018 đến nay, không đoàn tụ lần nào. Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L để sớm ổn định cuộc sống cho mỗi người.

Về con chung: Chị và anh L có 02 con chung là cháu Lê An N, sinh ngày 25/3/2013 và Lê An Bảo N, sinh ngày 14/7/2018. Hiện tại cháu N đang ở với anh L còn cháu N đang ở với chị. Ly hôn chị xin được nuôi cả hai con chung, nếu không được chị xin nhận nuôi cháu N vì cháu còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ Nều hơn và để anh L nuôi dưỡng cháu N. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai, quá trình khai tại Toà án và tại phiên toà bị đơn anh Lê Danh L trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị P kết hôn trên cơ sở hoàn toàn được tự do, tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND xã N H theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn đến năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ghen tuông và nghi ngờ nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi cọ nhau. Anh thừa nhận có đánh chị P 02 lần, ngày 31/10/2018 chị P đã tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ, anh đã đến tìm chị P 05 lần (khi đến nhà chị P anh đi cùng mẹ đẻ, bác và chị gái) nhưng chị P không về, anh xác định anh và chị P đã ly thân nhau từ tháng 10 năm 2018 cho đến nay. Hiện tại chị P xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, thương các con còn nhỏ nên không đồng ý ly hôn. Ngoài các biện pháp đến tìm chị P thì anh không còn biện pháp gì khác để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lê An N, sinh ngày 25/3/2013 và Lê An Bảo N, sinh ngày 14/07/2018. Hiện tại cháu N đang ở với anh, được anh nuôi dưỡng, chăm sóc và cho ăn học ổn định còn cháu N đang ở với chị P. Ly hôn anh có nguyện vọng xin nhận nuôi cả 02 con chung và tự nguyện không yêu cầu chị P cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản lấy lời khai bà Khương Thị Chiêm (mẹ đẻ anh L), biên bản xác minh với ông Lê Danh Hân (trưởng thôn, bí thư chi bộ thôn Tiêu Lâm, xã N H) xác định trong quá trình chung sống anh Lê Danh L và chị Phạm Thị P đã Nều lần xảy ra mâu thuẫn, chị P đã Nều lần bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại Hải Phòng sinh sống, anh L và gia đình đã Nều lần đến tìm nhưng chị P không về. Hiện tại anh L và chị P đã ly thân mỗi người ở một nơi khác nhau.

- Tại biên bản lấy lời khai cháu Lê An N, biên bản xác minh với cô Nguyễn Thu Hường (giáo viên chủ Nệm của cháu N) xác định: Hiện tại cháu N đang học tại trường Tiểu học xã N H do cô Hường chủ Nệm, trong quá trình học tập tại trường thì việc đóng góp, đưa đón và quan tâm đến việc học của cháu là do anh Lê Danh L và bà nội thực hiện. Nếu anh L và chị P ly hôn nguyện vọng của cháu N xin được ở với anh L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thu thập chứng cứ, của HĐXX, Thư ký phiên toà và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV QH 14 về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị P ly hôn anh Lê Danh L.

- Về con chung: Giao con chung Lê An N, sinh ngày 25/03/2013 cho anh L tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi; Giao con chung Lê An Bảo N, sinh ngày 14/07/2018 cho chị P tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

- Về án phí: Chị Phạm Thị P phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị P và anh Lê Danh L kết hôn trên cơ sở tự

nguyên, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N H, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương ngày 21/9/2012 là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là tính nết không hợp nhau, do ghen tuông nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau thậm trí đánh nhau. Chị P đã Nều lần bỏ về nhà bố mẹ đẻ, lần cuối cùng là từ ngày 31/10/2018, anh L cùng gia đình đã đến tìm Nều lần nhưng chị P kiên quyết không về chung sống cùng anh L, chị P và anh L đã chính thức ly thân nhau từ 31/10/2018. Hiện tại chị P xin ly hôn, anh L không đồng ý ly hôn nhưng cũng không có biện pháp gì để níu kéo hạnh phúc gia đình. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị P và anh L đã ở mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh L không đồng ý ly hôn là cố tình gây khó khăn cho chị P nên cần áp dụng quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình 2014, xử cho chị P được ly hôn anh L để bảo vệ quyền lợi của chị P và giúp anh L, chị P sớm ổn định cuộc sống riêng.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung gồm Lê An N, sinh ngày 25/3/2013 và Lê An Bảo N, sinh ngày 14/07/2018. Hiện tại cháu N đang ở với anh L, cháu N đang ở với chị P. Xét về điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của anh L và chị P là ngang nhau. Đối với cháu N còn nhỏ (dưới 36 tháng tuổi) đang ở với chị P được chị P nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đầy đủ nên cần tiếp tục giao cho chị P nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Cháu Lê An Bảo N, hiện đang ở với anh L được anh L chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và cho ăn học đầy đủ. Nguyên vọng của cháu N xin được ở với bố nên cần giao cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Chị Phạm Thị P và anh Lê Danh L được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

[3] Về án phí: Chị Phạm Thị P là nguyên đơn nên phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị P được ly hôn anh Lê Danh L.

2. Về con chung: Giao con chung Lê An N, sinh ngày 25/3/2013 hiện đang ở với anh L cho anh L tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi; Giao con chung là Lê An Bảo N, sinh ngày 14/07/2018 hiện đang ở với chị P cho chị P tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Chị Phạm Thị P và anh Lê Danh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2017/0003129 ngày 21/4/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Miện;
- Chi cục THÁ dân sự huyện Thanh Miện;
- UBND xã N H;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

An Văn Khoái